

Số: *994*/SNN-KHTC  
V/v: Hướng dẫn xây dựng Kế hoạch  
phát triển ngành nông nghiệp, nông  
thôn 5 năm 2016-2020

Bắc Giang, ngày *11* tháng 9 năm 2014

Kính gửi: Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Sở

- Căn cứ Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 05/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020; Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020;

- Căn cứ Chỉ thị số 6771/CT-BNN-KH ngày 21/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc xây dựng kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp, nông thôn và lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020; Hướng dẫn số 6982/BNN-KH ngày 27/8/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp, nông thôn 5 năm 2016-2020;

- Căn cứ Hướng dẫn số 112 /UBND-TH, ngày 29 /8/2014 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm 2016-2020; công văn số 113/UBND-TH, ngày 29/8/2014 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020,

Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT xây dựng Kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp, nông thôn 5 năm 2016-2020 như sau:

## **A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2011-2015.**

### **I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN 5 NĂM 2011-2015**

#### **1. Một số yêu cầu trong đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015**

- Việc đánh giá phải bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu theo Chương trình phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hoá tập trung gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015.

- Đánh giá toàn diện, đúng, đủ những kết quả đạt được, những cách làm mới phát huy hiệu quả cao cần được nhân rộng trong thời gian tới; những tồn tại, hạn chế, yếu kém so với mục tiêu, chỉ tiêu đề ra; làm rõ nguyên nhân kết quả, tồn tại, hạn chế, yếu kém để có biện pháp khắc phục trong thời gian tới.

#### **2. Nội dung đánh giá kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015**

Căn cứ các mục tiêu, chỉ tiêu, về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015, trên cơ sở tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 3 năm 2011-2013, ước thực hiện năm 2014 và dự kiến kế hoạch năm 2015, các đơn vị đánh giá toàn diện tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015, trong đó, cần tập trung đánh giá các nội dung sau:

- Tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ, công tác chuyên môn của các đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được giao; so sánh với mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch 5 năm 2011-2015.

- Kết quả thực hiện cơ chế, chính sách phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa; phát triển 5 cây, 3 con theo Chương trình phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015; thực hiện dồn điền, đổi thửa, xây dựng các vùng sản xuất tập trung tạo nguồn nguyên liệu cho công nghiệp chế biến...

- Đánh giá hoạt động ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất; việc nhân rộng các mô hình có hiệu quả và phát triển thương hiệu các sản phẩm nông sản chủ yếu.

- Tình hình triển khai và kết quả thực hiện đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững trong từng lĩnh vực (trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp,...); triển khai thực hiện các quy hoạch ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu. Làm rõ những kết quả đã đạt được, những hạn chế, khuyết điểm trong việc tổ chức thực hiện quy hoạch. Đề xuất các quy hoạch cần xây dựng mới, điều chỉnh, bổ sung.

- Tình hình và kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, Chương trình MTQG nước sạch & VSMTNT, việc ban hành cơ chế, chính sách, huy động nguồn lực để xây dựng nông thôn mới và các công trình nước sạch tập trung nông thôn; số xã, tỷ lệ xã đạt tiêu chí nông thôn mới đến hết năm 2015.

- Đánh giá công tác phối hợp giữa các ngành, địa phương trong việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015.

- Đánh giá về hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, cải cách hành chính.

- Trên cơ sở tổng kết các nội dung đánh giá trên, đánh giá tổng quát về tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015, những kết quả đạt được nổi bật, những hạn chế, khuyết điểm, nguyên nhân của những hạn chế, khuyết điểm.

- Đề xuất, kiến nghị những nhiệm vụ, giải pháp cần tập trung thực hiện để hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015.

## **II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2011-2015**

Căn cứ vào nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết của HĐND tỉnh, định hướng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015; quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh đến năm 2020, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh

vực, sản phẩm chủ yếu và kế hoạch đầu tư phát triển thuộc nguồn vốn NSNN hàng năm, trên cơ sở tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công các năm 2011-2013, ước thực hiện năm 2014 và dự kiến kế hoạch năm 2015, các đơn vị báo cáo đánh giá tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2011-2015 của đơn vị quản lý phải theo từng nguồn vốn cụ thể (bao gồm các nguồn vốn hỗ trợ mục tiêu của Trung ương, vốn cân đối ngân sách tỉnh, vốn TPCP, vốn ODA, vốn tín dụng và vốn các chương trình MTQG...) với những nội dung sau:

### **1. Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển nguồn vốn NSNN giai đoạn 2011-2015.**

1.1. Về kế hoạch vốn đầu tư phát triển hàng năm trong giai đoạn 2011-2015, cần làm rõ:

- Kết quả phân bổ và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN hàng năm trong giai đoạn 2011-2015 phân theo từng năm kế hoạch, từng dự án cụ thể, trong đó làm rõ việc bố trí vốn kế hoạch trước thời điểm ban hành Chỉ thị số 1792/CT-TTg và sau khi triển khai thực hiện Chỉ thị này, gồm: Số dự án và số vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN được bố trí vốn kế hoạch giai đoạn 2011-2015, số dự án và số vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN bố trí đủ cho dự án hoàn thành và bàn giao đi vào sử dụng trong giai đoạn 2011-2015; số dự án và số vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN bố trí cho các dự án hoàn thành và bàn giao đi vào sử dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2014 và dự kiến hoàn thành trong năm 2015, nhưng chưa bố trí đủ vốn; số dự án và số vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN bố trí cho các dự án khởi công mới (trong đó làm rõ số dự án đã hoàn thành trong giai đoạn 2011-2015); số dự án và số vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN bố trí cho các dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020; số dự án và số vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN bố trí cho các dự án giãn, hoãn tiến độ thi công, chuyển đổi sang các hình thức đầu tư khác;...

- Tình hình ứng trước và thu hồi vốn ứng trước; Số vốn NSNN ứng trước đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 và dự kiến đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2015 chưa bố trí được nguồn thu hồi. Đề xuất các biện pháp xử lý.

1.2. Tình hình huy động các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế khác (bao gồm cả vốn huy động của nhân dân), nguồn vốn lồng ghép với các chương trình, dự án đầu tư công khác.

1.3. Đánh giá về việc quản lý và chấp hành các quy định quản lý vốn đầu tư phát triển nguồn vốn NSNN trong giai đoạn 2011-2015, trong đó làm rõ việc quản lý, điều hành và chấp hành các quy định trong quản lý đầu tư công trước và sau khi triển khai thực hiện Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

- Số lượng dự án điều chỉnh quyết định đầu tư, bao gồm điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư, điều chỉnh tăng, giảm quy mô dự án,... Trong đó làm rõ nguyên nhân và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc điều chỉnh dự án.

- Số lượng dự án thực hiện chậm tiến độ so với quyết định đầu tư và kế hoạch đầu tư đã được phê duyệt, dự án nhóm B quá 5 năm, nhóm C quá 3 năm.

Làm rõ nguyên nhân và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc dự án thực hiện chậm tiến độ so với quyết định đầu tư và kế hoạch đầu tư đã được phê duyệt.

- Số lượng dự án đã được phê duyệt trong giai đoạn 2011-2015, trong đó làm rõ số dự án đã được bố trí vốn kế hoạch đầu tư hàng năm và số dự án được phê duyệt nhưng chưa được bố trí vốn.

1.4. Các kết quả đầu tư giai đoạn 2011-2015 đã đạt được, trong đó làm rõ các kết quả đạt được từ việc đầu tư từ nguồn vốn đầu tư công, như:

- Năng lực tăng thêm trong các ngành, lĩnh vực như:

+ Thủy lợi: Diện tích tưới, tiêu tăng thêm (ha).

+ Thủy sản: Số lượng cơ sở sản xuất giống, cơ sở nuôi thủy sản tập trung (cơ sở, năng lực sản xuất giống tăng thêm); diện tích NTTS (ha)....

+ Lâm nghiệp: diện tích trồng mới, bảo vệ, khoanh nuôi,...

- Chất lượng dịch vụ công: Khuyến nông, thú y, bảo vệ thực vật, quản lý chất lượng và VSATTP, bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng....

- Các kết quả đầu tư công tác động tới việc thực hiện các mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015 của ngành, đơn vị.

1.5. Tình hình quản lý và sử dụng các dự án đầu tư giai đoạn 2011-2015 đã hoàn thành và bàn giao đi vào sử dụng.

1.6. Các khó khăn, vướng mắc và các tồn tại, hạn chế trong triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư; phân tích sâu các nguyên nhân khách quan và chủ quan; trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức, cá nhân.

1.7. Các giải pháp, kiến nghị về cơ chế chính sách từ nay đến hết kế hoạch 5 năm 2011-2015.

## **2. Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển nguồn vốn Trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2011-2015.**

Yêu cầu đánh giá đầy đủ các nội dung như đối với nguồn vốn NSNN ở mục 1 ở trên. Ngoài ra cần đánh giá làm rõ thêm một số nội dung sau:

- Tình hình bổ sung, điều chỉnh kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ hàng năm trong giai đoạn 2011-2015. Nêu rõ lý do điều chỉnh so với kế hoạch được giao.

- Số dự án sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2006-2010, không được bố trí vốn kế hoạch đầu tư phát triển nguồn NSNN hoặc trái phiếu Chính phủ do phải giãn, hoãn tiến độ thi công hoặc chuyển đổi sang các hình thức đầu tư khác. Nêu rõ số dự án phải giãn, hoãn tiến độ thi công, số dự án chuyển đổi các hình thức đầu tư và các biện pháp xử lý đối với các đối tượng dự án này.

- Kết quả điều chỉnh, cắt giảm quy mô, tổng mức đầu tư các dự án phù hợp với kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ được giao giai đoạn 2011-2015 và bổ sung vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2014-2016.

## **3. Tình hình thực hiện kế hoạch vốn ODA giai đoạn 2011-2015.**

Yêu cầu đánh giá đầy đủ các nội dung như đối với nguồn vốn NSNN ở mục 1 ở trên. Ngoài ra cần đánh giá làm rõ thêm một số nội dung sau:

- Tình hình huy động các nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài để đầu tư cho các dự án theo kế hoạch hàng năm trong giai đoạn 2011-2015.

- Tình hình bố trí vốn đối ứng theo từng nguồn vốn cho các chương trình, dự án ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài theo kế hoạch hàng năm trong giai đoạn 2011-2015; việc bố trí vốn đối ứng hàng năm đủ hay không đủ vốn đối ứng ảnh hưởng đến tiến độ dự án.

- Kết quả thực hiện và giải ngân các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, bao gồm cả vốn đối ứng theo kế hoạch hàng năm trong giai đoạn 2011-2015 của Bộ và của tỉnh.

#### **4. Tình hình thực hiện kế hoạch vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước giai đoạn 2011-2015.**

Yêu cầu đánh giá đầy đủ các nội dung như đối với nguồn vốn NSNN ở mục 1 ở trên.

#### **5. Tình hình thực hiện kế hoạch vốn các Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, Chương trình MTQG nước sạch và VSMT NT, Chương trình bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011-2015.**

- Tình hình thực hiện Chương trình 3 năm 2011-2013, ước thực hiện năm 2014, dự kiến năm 2015 và ước thực hiện giai đoạn 2011-2015.

- Tình hình phân bổ và giao vốn thực hiện Chương trình giai đoạn 2011-2014, dự kiến năm 2015 và cả giai đoạn 2011-2015; tình hình huy động nguồn lực và lồng ghép các nguồn vốn thực hiện Chương trình giai đoạn năm 2011-2014 và dự kiến năm 2015.

- Việc quản lý, điều hành và chấp hành các quy định trong quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu giai đoạn 2011-2015.

- Các kết quả đạt được so với mục tiêu; những khó khăn, vướng mắc và tồn tại, hạn chế; làm rõ các nguyên nhân khách quan, chủ quan và trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức, cá nhân.

- Các giải pháp, chính sách đến hết kế hoạch 5 năm 2011-2015 nhằm thực hiện tốt các mục tiêu của chương trình.

Ngoài ra các đơn vị được giao nhiệm vụ tổng hợp xây dựng kế hoạch của các Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, Chương trình MTQG nước sạch và VSMT NT, Chương trình bảo vệ và phát triển rừng cần kết hợp thêm các văn bản hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp & PTNT hướng dẫn xây dựng kế hoạch giai đoạn 2016-2020 đối với từng chương trình (như: Công văn số 7078/BNN-TCTL ngày 04/9/2014 về kế hoạch Chương trình nước sạch và VSMTNT; Công văn số 7138/BNN-TCLN ngày 05/9/2014 về xây dựng kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2016-2020...).

#### **6. Tình hình xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản (Đối với tất cả các nguồn vốn).**

- Tình hình triển khai thực hiện Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2011, Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2012 và số 14/CT-TTg

ngày 28 tháng 6 năm 2013 về những giải pháp chủ yếu khắc phục tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản.

- Danh mục và số nợ đọng xây dựng cơ bản trong kế hoạch đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2014 và dự kiến đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2015.

+ Danh mục và số nợ đọng xây dựng cơ bản trong kế hoạch đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2014 và dự kiến đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2015, gồm:

(1) Danh mục và số nợ đọng xây dựng cơ bản các dự án đã hoàn thành, đã bàn giao sử dụng vốn đầu tư công (phân loại theo từng nguồn vốn).

(2) Danh mục và số nợ đọng xây dựng cơ bản các dự án đang triển khai thực hiện sử dụng vốn đầu tư công (phân loại theo từng nguồn vốn).

+ Danh mục và số nợ đọng xây dựng cơ bản ngoài kế hoạch.

- Báo cáo rõ số vốn kế hoạch hoặc được bổ sung trong giai đoạn 2011-2014 bố trí để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản; dự kiến số vốn bố trí kế hoạch 2015 để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản.

- Báo cáo rõ nguyên nhân gây ra nợ đọng xây dựng cơ bản. Kiểm điểm trách nhiệm của từng cấp, từng cơ quan (gắn với trách nhiệm cá nhân) trong việc để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

- Các giải pháp đã thực hiện xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản trong thời gian qua, không để phát sinh thêm các khoản nợ đọng xây dựng cơ bản từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 (thời điểm Luật Đầu tư công có hiệu lực thi hành).

## **B. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2016-2020**

### **I. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN 5 NĂM 2016-2020**

#### **1. Một số yêu cầu trong xây dựng mục tiêu, nhiệm vụ, định hướng phát triển ngành nông nghiệp, nông thôn 5 năm 2016-2020**

- Việc xác định các mục tiêu, chỉ tiêu, định hướng phát triển, giải pháp phải trên cơ sở đánh giá đúng tình hình thực hiện kế hoạch 5 năm 2011-2015.

- Các mục tiêu, chỉ tiêu, định hướng phát triển phải bám sát Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 đã được HĐND tỉnh thông qua; các quy hoạch ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu; đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp; đồng thời, đảm bảo tính khả thi, phù hợp với điều kiện thực tế của ngành, địa phương.

#### **2. Các nội dung chủ yếu kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp, nông thôn 5 năm 2016-2020**

##### **a) Dự báo tình hình:**

Dự báo những thuận lợi, khó khăn của tình hình thế giới, khu vực, trong nước có tác động đến tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh, các ngành, lĩnh vực, địa phương.

b) Xây dựng các mục tiêu, chỉ tiêu Kế hoạch phát triển 5 năm 2016 - 2020 phải bảo đảm tính khả thi, gắn kết với khả năng cân đối, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; phù hợp với mục tiêu đã nêu tại hướng dẫn xây dựng kế

hoạch số 112 /UBND-TH, ngày 29 /8/2014 của UBND tỉnh Bắc Giang và Chỉ thị 6771/CT-BNN-KH ngày 21/8/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT và đặc điểm, trình độ phát triển của từng ngành, lĩnh vực, từng địa phương, đơn vị. Cần phân tích, đánh giá, lựa chọn và sắp xếp thứ tự các mục tiêu ưu tiên trong kế hoạch 5 năm 2016 -2020.

c) Nhiệm vụ, định hướng phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương, đơn vị trong Kế hoạch 5 năm 2016-2020.

- Thực hiện có hiệu quả Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, Đề án tái cơ cấu của từng lĩnh vực và kế hoạch triển khai cụ thể (sau khi đã được phê duyệt); lựa chọn và sắp xếp thứ tự ưu tiên, lộ trình thực hiện các nhiệm vụ để tạo chuyển biến rõ rệt trong thực tiễn.

- Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới nhằm đạt được mục tiêu đến năm 2020, cả nước có 50% xã tiêu chí nông thôn mới. Trên cơ sở quy hoạch, đề án xây dựng nông thôn mới đã được duyệt, các địa phương bố trí nguồn lực thực hiện các nội dung ưu tiên.

d) Các giải pháp chính.

- Về công tác quy hoạch, xây dựng cơ chế, chính sách tạo động lực phát triển.

- Thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo nhân lực của ngành đáp ứng nhu cầu phát triển nền nông nghiệp hiện đại và hội nhập quốc tế.

- Tiếp tục sắp xếp, đổi mới các doanh nghiệp và đổi mới tổ chức sản xuất.

- Tập trung đầu tư hạ tầng phục vụ sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản; ưu tiên đầu tư hạ tầng phục vụ các lĩnh vực sản xuất có lợi thế phục vụ tái cơ cấu ngành.

- Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

## **II. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016-2020**

### **1. Căn cứ lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020**

- Tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2011-2015 theo từng nguồn vốn.

- Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 của ngành, lĩnh vực, sản phẩm nông sản chủ yếu của tỉnh.

- Các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch ngành, lĩnh vực,

sản phẩm chủ yếu đã được phê duyệt.

- Các hướng dẫn của Bộ ngành Trung ương, của UBND tỉnh...

*\* Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới:*

- Xây dựng kế hoạch trung hạn (2016-2020) trên cơ sở Quy hoạch và Đề án xây dựng nông thôn mới đã được phê duyệt, các quy định hiện hành của Nhà nước liên quan đến Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

- Về xác định nhu cầu vốn và nguồn vốn hỗ trợ của nhà nước trước mắt căn cứ Nghị quyết số 03/2014/NQ-HĐND, ngày 11/4/2014 của HĐND tỉnh về Quy định mức hỗ trợ đầu tư xây dựng một số hạng mục công trình ở các xã xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2014-2016 và các quy định của địa phương, khả năng huy động các nguồn vốn hợp pháp khác.

- Dự kiến các xã nông thôn mới về đích trong giai đoạn (2016-2020), xây dựng danh mục dự án và dự kiến nguồn vốn đầu tư, tránh bố trí vốn bình quân; Ưu tiên hỗ trợ, lồng ghép các nguồn vốn đầu tư cho các xã khó khăn, đặc biệt khó khăn; Dự kiến hỗ trợ đầu tư cho các xã còn lại với mức vốn hỗ trợ phù hợp với điều kiện thực tế.

- Việc huy động đóng góp của người dân phải được bàn bạc dân chủ và đồng tình của người dân, tránh việc yêu cầu đóng góp bắt buộc, quá sức dân.

## **2. Nguyên tắc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020**

- Việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn nhằm thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển tại Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 của ngành, lĩnh vực và các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các quy hoạch ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu của tỉnh đã được phê duyệt.

- Phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và thu hút các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế khác.

- Bố trí đủ vốn chuẩn bị đầu tư từ kế hoạch năm 2015 và kế hoạch giai đoạn 2016-2020 để tổ chức lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư dự án đầu tư công khởi công mới giai đoạn 2016-2020.

- Ưu tiên bố trí vốn để hoàn trả các khoản vốn ứng trước, thanh toán các khoản nợ đọng xây dựng cơ bản đến hết ngày 31/12/2014.

- Bảo đảm tính công khai, minh bạch và công bằng trong lập kế hoạch đầu tư công trung hạn.

## **3. Dự kiến khả năng cân đối các nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2016-2020 như sau:**

Theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị 23/CT-TTg và Hướng dẫn của UBND tỉnh, dự kiến mức tăng trên từng nguồn vốn Trung ương cho tỉnh giai đoạn 2016-2020, như sau:

- Dự kiến tổng vốn đầu tư nguồn NSNN theo ngành, lĩnh vực và vốn bổ sung có mục tiêu (chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu) tăng bình quân 10%/năm so với kế hoạch năm trước do Thủ tướng Chính phủ giao.



- Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh: trong năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách nhà nước phân đầu tăng khoảng 10% so với kế hoạch năm trước do UBND tỉnh giao, trong các năm sau, dự kiến tăng bình quân hàng năm khoảng 7-10% so với kế hoạch năm trước do UBND tỉnh giao.

- Vốn trái phiếu Chính phủ: cân đối trên cơ sở nguồn vốn trái phiếu Chính phủ Thủ tướng Chính phủ đã giao bổ sung cho giai đoạn 2014-2016.

- Vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài căn cứ vào các hiệp định, các cam kết và dự kiến khả năng giải ngân các nguồn vốn của các nhà tài trợ trong giai đoạn 2016-2020 xây dựng kế hoạch đầu tư từ nguồn vốn này.

#### **4. Lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020**

Các đơn vị tổ chức rà soát dự kiến danh mục các dự án đầu tư công và lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 của từng nguồn vốn theo hướng dẫn số 113/UBND-TH ngày 29/8/2014 của UBND tỉnh về việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 và công văn 6954/BNN-KH ngày 27/8/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020. Riêng các chương trình MTQG, chương trình mục tiêu (nguồn vốn hỗ trợ của Trung ương) đề nghị tham khảo thêm các hướng dẫn của các cơ quan ngành dọc Trung ương (như: Công văn số 7078/BNN-TCTL ngày 04/9/2014 về kế hoạch Chương trình nước sạch và VSMTNT; Công văn số 7138/BNN-TCLN ngày 05/9/2014 về xây dựng kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2016-2020...).

#### **C. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM VÀ TIẾN ĐỘ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**

1. Phòng Kế hoạch-Tài chính chủ trì tổng hợp, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015; kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 của toàn ngành xong **trước ngày 10/10/2014** để xin ý kiến lãnh đạo Sở trước khi trình UBND tỉnh, Sở KH&ĐT vào ngày 15/10/2014.

2. Các đơn vị trực thuộc Sở, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 và kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 theo hướng dẫn nêu trên gửi về Phòng Kế hoạch Tài chính **trước ngày 5/10/2014** để tổng hợp; đồng thời gửi bản điện tử theo địa chỉ Email: [khtc\\_snnptnt@bacgiang.gov.vn](mailto:khtc_snnptnt@bacgiang.gov.vn).

3. Giao cho các đơn vị: Phòng Trồng trọt tổng hợp xây dựng kế hoạch thuộc lĩnh vực trồng trọt; Phòng Chăn nuôi tổng hợp xây dựng kế hoạch thuộc lĩnh vực chăn nuôi; Chi cục Chi cục lâm nghiệp chủ trì, phối hợp với Chi cục Kiểm lâm tổng hợp xây dựng kế hoạch thuộc lĩnh vực lâm nghiệp và Chương trình bảo vệ và phát triển rừng; Chi cục Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Văn phòng điều phối XD NTM tỉnh tổng hợp xây dựng kế hoạch thuộc lĩnh vực phát triển nông thôn và Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

Yêu cầu các Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng: Cẩm Sơn, Sơn Động, Tây Yên Tử và các Ban quản lý dự án 147 các huyện: Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế, Yên Dũng, Lạng Giang, Tân-Việt-Hòa gửi báo cáo xây dựng kế

hoạch về Sở Nông nghiệp và PTNT và Chi cục Lâm nghiệp trước ngày 25/9/2014 để tổng hợp.

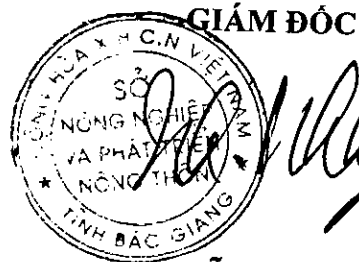
*\* Đối với việc đánh giá tình hình triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu sử dụng vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2011-2015: Các đơn vị quản lý chương trình, các chủ đầu tư có dự án được triển khai bằng nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu tổng hợp báo cáo đánh giá gửi Sở Nông nghiệp và PTNT (Phòng Kế hoạch-Tài chính) trước ngày 17/9/2014. Riêng đối với lập kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 về cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn xong trước ngày 20/9/2014.*

Việc xây dựng kế hoạch giai đoạn 2016-2020 có ý nghĩa hết sức quan trọng, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển của ngành. Giám đốc Sở yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị triển khai thực hiện nghiêm túc và báo cáo về Sở đảm bảo chất lượng và thời gian theo quy định. Trong quá trình triển khai xây dựng kế hoạch đề nghị các đơn vị thường xuyên phối hợp chặt chẽ với các đơn vị ngành dọc Trung ương, phòng Kế hoạch Tài chính Sở, phòng chuyên môn các huyện, thành phố để trao đổi và thống nhất các nội dung theo đúng tinh thần hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT và UBND tỉnh./.

*Hệ thống mẫu biểu và các văn bản hướng dẫn tham khảo tại địa chỉ: <http://sonongnghiep.bacgiang.gov.vn> hoặc <http://skhdt.bacgiang.gov.vn>*

**Nơi nhận:**

- Giám đốc Sở;
- Các PGĐ sở (để chỉ đạo);
- Lưu: VT, KHTC.
- \* Bản điện tử:**
- Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Sở (để t/h).



**Nguyễn Văn Khải**